

Số: 110/2019/QĐST- HNGĐ

H, ngày 12 tháng 4 năm 2019.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 149, Điều 212; Điều 213; Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 129/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Phạm Văn T, sinh năm 1985

Chị Bùi Thị P, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Tổ 40, khu 4, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 03/7/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8/2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thiếu sự quan tâm chia sẻ, không tìm được tiếng nói chung. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn giữa anh chị không thể giải quyết. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 9/2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T và chị P cùng yêu cầu giải quyết ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị P có 01 con chung là Phạm Thùy L, sinh ngày 08/02/2010. Anh chị thỏa thuận khi ly hôn anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); chị P không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị P không có.

[4] Về nghĩa vụ chung: Quá trình chung sống anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị P không vay nợ chung đối với tổ chức, cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: anh Phạm Văn T tự nguyện chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong **Biên bản thuận tình ly hôn, việc nuôi con và thỏa thuận về lệ phí giải quyết việc dân sự** do Trung tâm Hòa giải - Đối thoại Tòa án nhân dân thành phố H lập ngày **04 tháng 4 năm 2019** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Phiên hòa giải đã được tiến hành phù hợp và theo đúng quy định, trên tinh thần chủ động và tự nguyện.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản thuận tình ly hôn, lệ phí khi ly hôn không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị P thuận tình ly hôn.
- *Về con chung:* Anh Phạm Văn T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Thùy L, sinh ngày 08/02/2010 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), chị P không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền qua lại thăm nom con chung không ai được cản trở.
- *Về tài sản chung:* Anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị P không có.
- *Về nghĩa vụ chung:* Quá trình chung sống anh T và chị P không vay nợ chung đối với tổ chức, cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Văn T tự nguyện chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0000856 ngày 09/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H; anh T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND Tp. H;
- THADS Tp. H;
- UBND phường H,
- Tp H, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Anh Đ

